TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS- PT
Ngày: 09/01/2023
V/v "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà,

Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2022/TLPT-DS ngày 7/10/2022 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Vbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2022/QĐPT-DS ngày 27/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2022/QĐ-St ngày 24/11/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 93/2022/QĐ-ST ngày 09/12/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Nh sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh B

Bị đơn: Ông Thân Văn T, sinh năm 1960 (có mặt).

Anh Nguyễn Đức S sinh năm 1981 (có mặt tại phiên tòa 09/12/2022, vắng mặt tại phiên tòa 09/1/2023).

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh B

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị H, sinh năm 1958 (vắng).

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh B

- UBND xã N, huyện Vtỉnh B do ông Thân Văn Th Chủ tịch UBND xã đại diện (vắng).

* Người kháng cáo: ông Thân Văn T và anh Nguyễn Đức S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh trình bầy:

Ông và ông T, anh S không quan hệ họ hàng, chỉ là người cùng thôn. Năm 2009, ông T làm trưởng thôn, anh S làm phó thôn kiêm thủ quỹ. Thời điểm này, thôn Y cũng như UBND xã N trình UBND huyện Vphê duyệt quy hoạch khu dân cư và giao đất ở cho nhân dân trong thôn có thu tiền. Ngày 16/8/2009, UBND huyện Vcó quyết định 287/UBND về việc giao đất ở cho nhân dân thôn Y, xã N, tổng số diện tích là 5.752m^2 ở xứ đồng Bãi Cầu và Cửa Đèo thuộc thôn Y . Cụ thể giao đất ở cho 35 hộ dân diện tích là 3.740m^2 ngoài ra còn có đường đi, hành lang, rãnh thoát nước. Sau khi nhận quyết định, ông T và ông S đã triển khai đến các hộ dân. Gia đình ông thuộc diện được mua một thửa đất theo quyết định số 287/UBND của UBND huyện V, trong đó có 6 hộ ở khu đồng Cửa Đèo được chia 6 lô mỗi lô 140m^2. Thôn lại tách thành 8 lô mỗi lô có diện tích 105m^2 bán cho 8 hộ. Gia đình ông được mua một lô có diên tích 105m^2. Theo Quyết định thì các hộ được mua phải nộp 130.000 đồng/m^2 ; tổng số tiền gia đình ông phải nộp cho 105m^2 trên là 13.650.000 đồng. Tuy nhiên, ông T và ông S đã nâng lên 250.000đ/m^2 nên gia đình ông phải nộp 25.000.000đ cho lô đất 105m^2. Như vậy, ông T và anh S đã thu chênh lệch 11.350.000đ của gia đình ông mặc dù gia đình ông không đồng ý. Đến năm 2017 ông T, anh S bị xét xử về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ". Tại bản án số 36/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xử phạt ông T 30 tháng tù và phạt anh S 12 tháng tù.; tách phần dân sự của ông để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Nay ông yêu cầu ông T và anh S phải trả ông số tiền mà gia đình ông đã nộp thừa là 11.350.000đ. Tại phiên tòa ông yêu cầu ông T phải trả ông 7.950.000đ, anh S phải trả ông 3.400.000đ, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Thân Văn T trình bày:

Năm 2006, ông được bầu làm trưởng thôn, anh Nguyễn Đức S phó thôn kiêm thủ quỹ của thôn. Do dân có nhu cầu đất ở cho nên ông đã làm tờ trình lên UBND xã và UBND huyện, sau đó UBND huyện Vcó quyết định số 278/QĐ- UBND ngày 06/8/2009 về việc giao đất cho thôn Yên Ninh, xã N. Trong quyết định đã ghi giao cho UBND xã N 5.752 m^2 đất tại khu bãi cầu cổ đèo thuộc thôn Yên Ninh, xã N để sử dụng vào mục đích đất ở cho 35 hộ gia đình cá nhân với diện tích là 3.740 m^2, làm rãnh thoát nước 217,3 m^2 và 1.794,7 m^2 làm đường và hành lang đường. Sau khi nhận quyết định, ban quản lý thôn do ông làm trưởng thôn, anh S làm phó thôn họp dân đã nâng giá đất từ 130.000 đông/ m^2 lên thành 250.000 đ/ m^2 và đã tách 06 lô mỗi lô 140m^2 thành 08 lô, mỗi lô có diên tích là 105 m^2. Sau đó trưởng thôn và phó thôn thu tiền theo giá mới. Ông và anh S đã thu của gia đình ông Nh 25.000.000 đồng. Đến năm 2017, ông bị xét xử về tội "Lạm quyền trong khi thi

hành công vụ". Tại bản án số 36/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xử phạt ông 30 tháng tù và phạt anh S 12 tháng tù. Nay ông xác định số tiền ông Nh nộp vượt là 11.350.000đ đó là do được sự thống nhất của thôn và ông Nh tự nguyện nộp để xây dựng công trình phúc lợi trong thôn. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Cư.

Bị đơn anh Nguyễn Đức S trình bày:

Năm 2006, ông T được bầu làm trưởng thôn và anh làm phó thôn kiêm thủ quỹ của thôn. Do dân có nhu cầu đất ở nên ông T đã làm tờ trình lên UBND xã và UBND huyện. Sau đó, UBND huyện có quyết định số 278/QĐ- UBND ngày 06/8/2009 về việc giao đất cho thôn Yên Ninh, xã N. Trong quyết định đã ghi giao cho UBND xã N 5.752 m^2 đất tại khu bãi cầu cổ đèo thuộc thôn Yên Ninh, xã N để sử dụng vào mục đích đất ở cho 35 hộ gia đình cá nhân diên tích là 3.740 m^2 , làm rãnh thoát nước 217,3 m^2 và 1.794,7 m^2 làm hành lang đường và làm đường. Sau khi nhận quyết định ban quản lý thôn do ông T làm trưởng thôn, anh làm phó thôn họp dân thống nhất đã nâng giá đất từ 130.000 đông/ m^2 lên thành 250.000 đ/ m^2 và đã tách 06 lô mỗi lô 140 m^2 thành 08 lô mỗi lô có diên tích là 105 m^2 Sau đó anh thu tiền theo giá mới. Anh đã thu của gia đình ông Nh là 25.000.000 đồng. Đến năm 2017, anh bị xét xử về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" và bị xử phạt 12 tháng tù. Nay anh xác định số tiền ông Nh nộp vượt là do được sự thống nhất của thôn và ông Nh tự nguyện nộp để làm công trình phúc lợi trong thôn. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã N, huyện Vtỉnh B do ông Thân Văn Th - Chủ tịch UBND xã đại diện trình bày:

UBND xã không chỉ đạo ông T trưởng thôn và anh S phó thôn nâng giá đất từ 130.000đ/m^2 lên thành 250.000đ/m^2. Việc nâng giá đất là do ông T và anh S tự thực hiện, UBND xã không nắm được. UBND xã không chịu trách nhiệm về việc các gia đình yêu cầu ông T, anh S trả tiền nộp vượt theo quy định.

*** Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Vđã quyết định:**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 165, Điều 166, Điều 280, Điều 288, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Nh.

Buộc ông Thân Văn T, anh Nguyễn Đức S phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông Nguyễn Văn Nh số tiền là 11.350.000 đồng (Trong đó ông Thân Văn

T phải trả ông Nguyễn Văn Nh số tiền là 7.950.000 đồng, anh Nguyễn Đức S phải trả ông Nguyễn Văn Nh số tiền là 3.400.000 đồng.)

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 20/7/2022, ông Thân Văn T và anh Nguyễn Đức S đều kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/12/2022: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Thân Văn T và ông Nguyễn Đức S trình bày: Toàn bộ số tiền thu của ông Nguyễn Văn Nh và các hộ dân ở thôn Y là thu theo nghị quyết của Chi bộ thôn. Mặc dù S nghị quyết Chi bộ hiện không còn để cung cấp cho cơ quan điều tra và Tòa án nhưng việc này là có thật. Số tiền thu tăng thêm so với quy định của UBND huyện đã được sự thống nhất của Ban lãnh đạo thôn thống nhất sử dụng vào việc xây dựng các công trình phúc lợi, phục vụ nhu cầu của người dân trong thôn. Ban lãnh đạo thôn không chỉ có ông T và anh S, ngoài ra còn ông Ngô Minh Thống – sinh năm 1955, trú tại thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh B là thủ quỹ thôn, trực tiếp thu tiền, ký vào các biên lai thu tiền của dân và tham gia vào việc chi tiêu số tiền thu được. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm của ông Thống mà chỉ buộc ông T, anh S trả tiền là không đảm bảo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì giải quyết không khách quan.

Ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Ông nộp tiền cho thôn 3 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng, có lần nộp cho ông Ngô Minh Thống – Thủ quỹ, có lần nộp cho anh Nguyễn Đức S. Việc tiêu số tiền này như Th nào thì ông không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do cần xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2022, ông Ngô Minh Thống – nguyên thủ quỹ thôn Y. Ông Thống trình bày: Ông trực tiếp thu số tiền 3.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Nh. Chữ ký trong phiếu thu 3.000.000 đồng mà ông Nh nộp cho Tòa án là chữ ký của ông. Số tiền thu được của các hộ dân trong đó có hộ ông Nh thì ông đã bàn giao lại cho ông Nguyễn Đức S một phần để nộp kho bạc, phần còn lại thì ông trực tiếp quản lý. Trong quá trình xây dựng các công trình của thôn, ông có tham gia chi trả một số khoản tiền công thợ, tiền nguyên vật liệu... Việc chi trả này có sự thống nhất của cả 3 người: ông T, anh S và ông. Toàn bộ tài liệu ông đã nộp cho cơ quan điều tra, không còn lưu giữ gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 9/1/2023: Ông Nguyễn Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn Đức S vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Thân Văn T trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu rút đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh. Ông vẫn giữ nguyên kháng cáo và quan điểm đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết kháng cáo của ông và anh S theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu của ông Nguyễn Văn Nh và các hộ dân ở thôn Yên

Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án số 23/2022/DS-ST ngày 15/7/2022của Toà án nhân dân huyện V, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vgiải quyết lại. Ông T, anh S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa; anh Nguyễn Đức S đã có mặt tại phiên tòa ngày 09/12/2022, trình bày giữ nguyên kháng cáo. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đại diện UBND xã N và anh S là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của anh Nguyễn Đức S vẫn được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Thân Văn T và anh Nguyễn Đức S về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B, Hội đồng xét xử thấy:

Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B và bản án phúc thẩm số 433/2019/HS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử bị cáo Thân văn T, Nguyễn Đức S về tội "Lạm quyền khi thi hành công vụ" . Các bản án trên đã *"tách quan hệ dân sự giữa những hộ gia đình mua đất khác và 8 hộ gia đình mua đất ở Cửa Đèo mà tách các lô có diện tích 140m^2 của các Quyết định giao đất năm 2009 gồm ông Nguyễn Tiến Quế, ông Lê Ngọc Chung, ông Nguyễn Văn Phán, ông Thân Ngọc Đàm, bà Thân Thị Hội (vợ ông Thuyết), ông Dương Đức An, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Tiến Cư ra khỏi vụ án để giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu."*. Như vậy, trách nhiệm

dân sự của ông Thân Văn T và anh Nguyễn Đức S đối với ông Nguyễn Văn Nh chưa được giải quyết bằng bản án hay quyết định có hiệu lực của Tòa án. Do đó, ông Nguyễn Văn Nh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B giải quyết trách nhiệm của ông T, anh S về số tiền nộp chênh lệch so với quyết định của UBND huyện Vlà phù hợp.

Căn cứ khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh là 03 phiếu thu: phiếu thu ngày 5/4/2009 với số tiền 20.000.000 đồng, phiếu thu ngày 26/8/2009 với số tiền 2.000.000 đồng, phiếu thu ngày 14/1/2011 với số tiền 3.000.000 đồng. Trong đó phiếu thu ngày 14/1/2011 có chữ ký của ông Ngô Minh Thống ở mục thủ quỹ.

Ông Ngô Minh Thống cũng đã có lời khai xác nhận: Ông trực tiếp thu số tiền 3.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Nh, chữ ký trong phiếu thu là chữ ký của ông. Số tiền thu được của các hộ dân trong đó có hộ ông Nh, ông đã bàn giao lại cho ông Nguyễn Đức S một phần để nộp kho bạc, phần còn lại thì ông trực tiếp quản lý. Trong quá trình xây dựng các công trình của thôn, ông có tham gia chi trả một số khoản tiền công thợ, tiền nguyên vật liệu...

Như vậy, ông Thống có liên quan trực tiếp đến việc thu, chi số tiền của các hộ dân thôn Y, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Nh. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Thống vào tham gia tố tụng để làm rõ trách nhiệm của ông Ngô Minh Thống, chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để buộc ông T và anh S phải có trách nhiệm liên đới trả ông Nh số tiền 11.350.000 đồng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập được Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 6/8/2009 của UBND huyện Vcùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thu, chi số tiền 25.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Nh là thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

* Từ những đánh giá phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông T và anh S, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vgiải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Thân Văn T và anh Nguyễn Đức S xử:

1 Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thân Văn T và anh Nguyễn Đức S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Đức S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 006692 ngày 11/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh B;
-Toà án nhân dân huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**